

Bản án số: 256/2020/HS-PT  
Ngày 21 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Văn Công

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát Viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 805/2019/HSPT-TL ngày 18 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Phạm Gia T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Gia T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 426/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

**Nguyễn Phạm Gia T**; sinh năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); nghề nghiệp: Nhân Viên ngân hàng Z; trình độ văn hóa: 12/12; nơi đăng ký thường trú: 432A/40/25 đường D, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; họ tên cha: (không rõ); họ tên mẹ: Nguyễn Thị D1;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: **12/11/2017** (đang tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – Công An Thành phố Hồ Chí Minh).

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Phạm Gia T:* Ông Đỗ Hải B; luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Tường V không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Phạm Gia T là Trưởng phòng quan hệ khách hàng thuộc Phòng giao dịch Nam Sài Gòn của Ngân hàng Z ( gọi tắt là Ngân hàng Z). Nhiệm vụ của T là huy động tiền gửi tiết kiệm, tư vấn bán bảo hiểm, đề xuất cho vay thế chấp sổ tiết kiệm của khách hàng.....Thông qua công việc, T có quen biết và biết được thông tin cá nhân của một số khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Z. Lợi dụng vào chức trách nhiệm vụ được giao và việc biết được thông tin của khách hàng, T đã thực hiện hành V lừa đảo chiếm đoạt trái phép tài sản là tiền của Ngân hàng Z với cách thức, thủ đoạn như sau:

- Lợi dụng vào việc khách hàng tin tưởng, giao cho quản lý tài khoản để mua bán chứng khoán, T đã mạo danh khách hàng, giả mạo chữ ký của khách hàng ký hợp đồng bán trái phiếu của khách hàng, chiếm đoạt tiền bán trái phiếu.

- T sử dụng thông tin của khách hàng và thông tin cá nhân của người thân, rồi nhờ người thân đứng tên mở tài khoản tại khoản tại Ngân hàng Z, tài khoản đứng tên khách hàng và người thân của T là đồng sở hữu. Sau đó, T giả chữ ký, mạo danh khách hàng lập hồ sơ xin vay tiền của Ngân hàng Z, sử dụng tài sản là tiền gửi của khách hàng đang gửi tại Ngân hàng Z để thế chấp cho Ngân hàng Z. Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu như đã đề cập, T yêu cầu người thân rút tiền từ tài khoản đồng sở hữu để giao cho T, hoặc là yêu cầu người thân chuyển tiền đến tài khoản do T chỉ định. Trong quá trình thực hiện việc lừa đảo, lúc đầu chỉ có một mình T thực hiện. Sau đó, Nguyễn Tường V(chị dâu họ của T và là Giám đốc Công ty S) đã cùng tham gia lừa đảo cùng với T trong một số vụ việc cụ thể.

**1. Nguyễn Phạm Gia T chiếm đoạt 3.000.000.000đ của Công ty V1 (từ ngày 21/02/2019, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán V2, gọi tắt là Công ty V2):**

Bà Lê Thị Tuyết M là khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Z. Qua nhiều lần giao dịch với Ngân hàng Z, bà M và T có quen biết với nhau, T được bà M tin tưởng. Bà M có sử dụng tài khoản số 7336386 mở tại Ngân hàng Z (sau đây gọi tắt là tài khoản 7336386). Do tin tưởng T nên bà M nhờ T quản lý tài khoản 7336386 để thực hiện việc quản lý mua bán trái phiếu. Lợi dụng việc này, trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2016 đến ngày 05/4/2016, T đã mạo danh bà M và giả chữ ký của bà M, nhiều lần ký hợp đồng bán cho Công ty V2 một số trái phiếu của Công ty H phát hành (thuộc quyền sở hữu của bà M) với giá 3.000.000.000đ. Thực hiện theo các hợp đồng đã ký, Công ty V2 đã chuyển

3.000.000.000đ vào tài khoản 7336386. Để chiếm đoạt số tiền này, T gọi điện cho Ngân hàng Z, rồi đưa điện thoại cho bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của T), hướng dẫn bà D mạo nhận là bà M để đăng ký dịch vụ Internet Banking sử dụng cho tài khoản 7336386. Sau đó, T sử dụng dịch vụ Internet Banking đăng nhập vào tài khoản 7336386, thực hiện chuyển 3.000.000.000đ từ tài khoản 7336386 đến tài khoản 711A37447623 của bà D mở tại Ngân hàng V3. Tiếp theo đó, T hướng dẫn bà D rút tiền từ tài khoản 711A37447623 và giao lại cho T (**Bút lục:3286, 4509, 1033-1134**). Sau đó, T giao tiền cho V để V kinh doanh mua bán trái cây.

**2. Nguyễn Phạm Gia T chiếm đoạt 8.000.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua việc lập hồ sơ mạo danh bà Nguyễn Thị H1 để vay tiền của ANZ.**

Khoảng đầu tháng 07/2017, Nguyễn Tường V nói dối với T rằng Siêu thị A đang còn nợ Công ty S (gọi tắt là Công ty S) do V làm giám đốc 50.195.423.725đ; Siêu thị A yêu cầu V phải cung cấp thêm 3 đơn hàng trái cây với mỗi đơn hàng trị giá khoảng 2.000.000.000đ thì mới thanh toán số nợ đã nêu. Đồng thời, V đề nghị T góp vốn cùng với V để mua trái cây cung cấp cho Siêu thị A. Từ lúc này, T bắt đầu lập giả hồ sơ vay tiền của các khách hàng có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Z để chiếm đoạt tiền đưa cho V.

Trong tháng 7/2017, T yêu cầu V cung cấp cho T thông tin cá nhân và mẫu chữ ký của V. Sau đó, T sử dụng thông tin do V cung cấp và thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H1 (là người đang có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Z) để mở tài khoản số 9447857 tại Ngân hàng Z đứng tên bà H1 và V là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9447857). Tiếp theo, T mạo danh bà H1 ký hợp đồng vay tiền, hợp đồng cầm cố tiền trong sổ tiết kiệm của bà H1 để vay 8.000.000.000đ của Ngân hàng Z. Ngày 24/7/2017, Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 8.000.000.000đ vào tài khoản 9447857. Ngay sau đó, T yêu cầu V đến Ngân hàng Z ký ủy nhiệm chi, chuyển 8.000.000.000đ từ tài khoản 9447857 đến tài khoản số 11910000303545 của T mở tại Ngân hàng B1. Tuy nhiên, V không thực hiện theo yêu cầu của T.

V đã dùng khoản tiền 8.000.000.000đ đã nêu để trả nợ cho ông Bùi Mạnh C, cụ thể: Nguyễn Thị Thanh V4 và Bùi Mạnh C: Ngày 24/7/2017, bà Nguyễn Thị Thanh V4 (người sống chung với ông C) đang ở Hà Nội thì V gọi điện bảo bà V4 đến Ngân hàng Z - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ, Hà Nội để nhận 8.000.000.000đ do V trả nợ. Tại đây, V làm thủ tục rút tiền mặt để trả cho V4. Tuy nhiên, do số tiền quá lớn nên bà V4 mở tài khoản 9453688 tại Ngân hàng Z - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ, Thành phố Hà Nội và chuyển số tiền 8.000.000.000đ do V trả vào tài khoản này. Sau đó, bà V4 tiếp tục chuyển 8.000.000.000đ đến tài khoản số 0371003790832 của ông C mở tại Ngân hàng

V5(Bút lục 2083).

**3. Nguyễn Phạm Gia T và Nguyễn Tường V chiếm đoạt 80.300.000.000đ của Ngân hàng Z:**

**3.1. Làm giả hồ sơ, mạo danh khách hàng Nguyễn Quý N để vay và chiếm đoạt 15.300.000.000đ của Ngân hàng Z:**

Vào đầu tháng 12/2016, với cách thức tương tự như đã nêu tại mục 1 (đã nêu), T đã bán số trái phiếu của thuộc quyền sở hữu của bà H1 cho Công ty V2 với giá 7.500.000.000đ và lấy tiền giao cho V.

Vào khoảng đầu tháng 5/2017, T sử dụng thông tin cá nhân, giả chữ ký của ông Nguyễn Hoàng M1 (anh ruột của T) và thông tin của khách hàng Ngô T1(người đang có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Z) để mở tài khoản 9361504 tại Ngân hàng Z đứng tên ông M1 và ông T1 là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9361504). Sau đó, T giả chữ ký của ông T1 trên các văn bản Thông báo rút vốn, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cầm cố khoản tiền 14.500.000.000đ của ông T1 đang gửi tại Ngân hàng Z để vay 13.000.000.000đ của Ngân hàng Z. Ngày 16/5/2017, Ngân hàng Z chuyển 13.000.000.000đ vào tài khoản 9361504. Sau đó, T giả chữ ký của ông M1 lập ủy nhiệm chi để chuyển 13.000.000.000đ từ tài khoản 9361504 đến tài khoản 11910000355467 của ông M1 mở tại Ngân hàng B1 (tài khoản này, ông M1 ủy quyền cho T được quyền sử dụng). T đã sử dụng 13.000.000.000đ để tất toán số tiền 7.500.000.000đ liên quan đến việc mua bán trái phiếu của bà M; số tiền còn lại, T giao cho V.

Khi đến hạn trả khoản vay 13.000.000.000đ đã nêu, ngày 02/8/2017, T sử dụng thông tin cá nhân của ông M1 và ông Nguyễn Quý N (người đang có 800.000USD và 460.000AUD gửi tại Ngân hàng Z) để mở tài khoản số 9466109 tại Ngân hàng Z, đứng tên đồng sở hữu là ông M1 và ông N (sau đây gọi tắt là tài khoản 9466109). Sau đó, T giả chữ ký của ông N, ký trên các tài liệu Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố số ngoại tệ của ông N(như đã vừa nêu) để vay 15.300.000.000đ của Ngân hàng Z. Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 15.300.000.000đ vào tài 9466109. Sau đó, T bảo ông M1 đến Ngân hàng Z ký ủy nhiệm chi chuyển số tiền vừa nêu từ tài khoản 9466109 đến tài khoản 11910000339948 của M1 mở tại Ngân hàng B1 (tài khoản mà ông M1 đã ủy quyền cho T được sử dụng). Sau đó, T tiếp tục chuyển 13.071.000.000đ từ tài khoản vừa nêu đến tài khoản 11910000355467 của M1 mở tại Ngân hàng B1 (tài khoản này ông M1 cũng ủy quyền cho T được sử dụng); rồi T dùng khoản tiền này để tất toán khoản vay 13.000.000.000đ đã đề cập, phần còn lại giao cho V.

### **3.2. Chiếm đoạt 4.700.000.000đ thông qua hành vi lập hồ sơ giả, mạo danh ông Nguyễn Quý N để vay tiền của Ngân hàng Z.**

Vào ngày 10/8/2017, T sử dụng thông tin cá nhân của V, thông tin cá nhân của ông Dương Ngọc Tường T2 và bà Đặng Thị N1 (là khách hàng đang có khoản tiền 354.000EUR gửi tại Ngân hàng Z) mở tài khoản 9476627 tại Ngân hàng Z mang tên của V, ông T2 và bà N1 là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9476627). Trong thời gian cùng ngày, T giả chữ ký của ông T2, bà N1 ký trong các văn bản Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cầm cố tài sản, Thông báo rút vốn, cầm cố sổ ngoại tệ vừa đã nêu để vay 6.200.000.000đ của Ngân hàng Z. Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 6.200.000.000đ vào tài khoản 9476627. Sau đó, V rút số tiền đã nêu để sử dụng cho cá nhân nhưng V nói với T là V sử dụng thanh toán tiền mua hàng.

Khi đến hạn thanh toán khoản vay 6.200.000.000đ đã nêu, T tiếp tục lấy thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thùy D1 (chị ruột của V) do V cung cấp và thông tin của khách hàng Nguyễn Quý N để mở tài khoản 9569669 tại Ngân hàng Z đứng tên bà D1 và ông N là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9569669). Sau đó, T giả chữ ký của ông N, ký Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản là số tiền của ông N đang gửi tại Ngân hàng Z để vay 4.700.000.000đ của Ngân hàng Z. Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 4.700.000.000đ vào tài khoản 9569669. Tiếp theo, V yêu cầu bà D1 đến Ngân hàng Z ký ủy nhiệm chi, chuyển 4.700.000.000đ từ tài khoản 9569669 đến tài khoản 1600118888888 của V mở tại Ngân hàng M2. Sau đó, T và V dùng khoản tiền này và tiền T có được từ việc bán chiếc xe hơi Mercedes của T và tiền cá nhân của T để trả toán khoản vay 6.200.000.000đ đã đề cập).

### **3.3. Chiếm đoạt 5.700.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua hành vi lập hồ sơ giả, mạo danh ông Võ Đình T3 để vay tiền**

Tháng 8/2017, T làm giả hồ sơ, mạo nhận và giả chữ ký của ông Võ Đình T3 để lập hồ sơ xin vay 5.700.000.000đ của Ngân hàng ANZ. Sau đó, T dùng thông tin cá nhân của ông T3 và thông tin cá nhân của V mở tài khoản đồng sở hữu 9486681 tại Ngân hàng Z đứng tên V và ông Võ Đình T3 (sau đây gọi tắt là tài khoản 9466109). Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản 9466109, V rút 5.700.000.000đ sử dụng cho cá nhân (trả nợ cho ông C).

### **3.4. Chiếm đoạt 20.000.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua hành vi lập hồ sơ giả, mạo danh bà Huỳnh Thị Mỹ D2 để vay tiền:**

Ngày 22/8/2017, V cung cấp cho T thông tin cá nhân của ông Nguyễn

Hoàng A1(chồng của V). T sử dụng thông tin của ông A1 và thông tin của bà Huỳnh Thị Mỹ D2(khách hàng có sổ tiết kiệm gửi 1.206.400USD tại Ngân hàng Z) để mở tài khoản số 9488486 tại Ngân hàng Z đứng tên bà D và ông A1 là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9488486). Sau đó, T lập hồ sơ giả, mạo danh bà D2, ký giả chữ ký của bà D2 để vay 20.000.000.000đ của Ngân hàng Z và thế chấp tiền của bà D2(đã đề cập) cho Ngân hàng Z. Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 20.000.000.000đ vào tài khoản 9488486, T bảo ông A1 ký ủy nhiệm chi, chuyển toàn bộ số tiền vừa nêu vào tài khoản 1600105653008 của ông A1 mở tại Ngân hàng M2 (tài khoản này, ông A1 ủy quyền cho T sử dụng); sau đó, T chuyển số tiền đã nêu đến tài khoản của T mở tại Ngân hàng M2.

Số tiền vừa nêu đã được các bị cáo sử dụng như sau:

- V nhờ bà Nguyễn Hoàng Thảo M3 cho mượn tài khoản tại Ngân hàng S1 để nhận tiền do T gửi. Bà M3 không có tài khoản ở S1 nên có hỏi ông T4(chồng bà M3) nhưng ông T4 cũng không có nên ông T4 hỏi ông Nguyễn Hoàng V6 (cháu ông T4), ông V6 đồng ý cho mượn. Do vậy, theo yêu cầu của V, ngày 23/8/2017, T ký ủy nhiệm chi chuyển 8.000.000.000đ từ tài khoản 1600105653008 đến tài khoản 060050971298 mang tên Nguyễn Hoàng V6 mở tại Ngân hàng S1 (tài khoản 060050971298). Sau đó, ông V6 chuyển đến tài khoản 0031012908008 của bà Nguyễn Hoàng Thảo M3 mở tại Ngân hàng B2, Bà M3 rút tiền và giao lại cho V.

- T rút 2.000.000.000đ tiền mặt giao cho V.

- T chuyển 10.000.000.000đ từ tài khoản 1600105653008 (đã đề cập) vào tài khoản 1130102094004 của T mở tại Ngân hàng M2 (tài khoản 1130102094004), số tiền này được T sử dụng như sau:

- + Theo yêu cầu của V, T chuyển 5.000.000.000đ cho bà Ngô Thị K (V nói với T là cho bà K vay);

- + Dùng 875.000.000đ để đặt cọc mua 2 chiếc xe ô tô (T và V mỗi người một chiếc);

- + Sử dụng 400.000.000đ để đặt cọc mua 2 căn biệt thự 47DP và 49DP ở huyện Nhà Bè;

- + Dùng 2.100.000.000đ để thanh toán tiền mua căn nhà 258/36 đường D, Phường 2, Quận 8;

- + Giao cho V 2.000.000.000đ.

**3.5. Chiếm đoạt 10.200.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua hành vi**

**lập hồ sơ giả, mạo danh bà Nguyễn Thị Tú O để vay tiền:**

Đầu tháng 9/2017, V báo cho T là V sắp được Ngân hàng B2 cho vay 80.000.000.000đ, nhưng để sớm được vay, thì phải có lượng tiền lớn giao dịch qua tài khoản của V mở tại Ngân hàng B2. Do vậy, ngày 13/9/2017, T lấy thông tin cá nhân của V và thông tin của bà Nguyễn Thị Tú O (là người đang có 540.000USD gửi tại Ngân hàng Z) mở tài khoản số 9513184 tại Ngân hàng Z đứng tên V và bà O là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản số 9513184). Sau đó, T làm giả hồ sơ, mạo danh bà O để xin vay 10.200.000.000đ của Ngân hàng Z. Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển 10.200.000.000đ vào tài khoản 9513184, V làm thủ tục chuyển toàn bộ số tiền vừa nêu vào tài khoản 0031012909005 của V mở tại Ngân hàng B2. Ngày 14/9/2017, V lần lượt rút 5.500.000.000đ và 4.700.000.000đ từ tài khoản tài khoản vừa nêu, lấy tiền sử dụng cho cá nhân.

**3.6. Chiếm đoạt 20.000.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua hành vi lập hồ sơ giả, mạo danh bà Lê Thị L để vay tiền:**

Tháng 10/2017, T nói với V rằng hồ sơ vay tiền mang tên V tại Ngân hàng Z đã quá nhiều nên dễ bị phát hiện; đồng thời, T yêu cầu V tìm người khác để đứng tên vay. Sau đó, theo yêu cầu của V, bà Nguyễn Thùy D1(chị của V) cung cấp giấy chứng minh nhân dân và chữ ký mẫu của bà D1 cho V. V nói với bà D1 rằng, cung cấp các tài liệu đã nêu là để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty S. Sau đó, qua điện thoại di động, V chuyển cho T hình ảnh giấy chứng minh nhân dân và chữ ký của bà D1. T sử dụng thông tin do V cung cấp và thông tin của bà Lê Thị L(là khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Z) mở tài khoản 9540720 tại Ngân hàng Z mang tên bà D1 và bà L là đồng sở hữu (tài khoản 9540720). Vào các ngày 4, ngày 7 và ngày 30/10/2017, T lập 3 hợp đồng tín dụng, 3 hợp đồng cầm cố tài sản, mạo danh bà L thế chấp số tiền gửi của bà L để xin vay 20.000.000.000đ của Ngân hàng Z (số tiền vay cụ thể của từng hợp đồng như sau: 10.500.000.000đ; 6.900.000.000đ; 2.600.000.000đ). Ngân hàng Z đồng ý cho vay và lần lượt chuyển các khoản tiền cho vay đã nêu vào tài khoản 9540720. Sau đó, theo hướng dẫn của V, bà D1 đến Ngân hàng Z ký ủy nhiệm chi, chuyển 20.000.000.000đ từ tài khoản 9540720 đến tài khoản 1030123567889 của V mở tại Ngân hàng M2. Tiếp theo, V ký ủy nhiệm chi, chuyển 20.000.000.000đ từ tài khoản 1030123567889 đến tài khoản 1600167888888 của T mở tại Ngân hàng M2.

Số tiền vừa nêu đã được T và V sử dụng như sau:

- Chuyển 5.413.825.000đ vào tài khoản của Công ty U để thanh toán tiền

mua chiếc xe ô tô Porsche Panamera (do V đứng tên sở hữu);

- Chuyển 4.150.000.000đ vào tài khoản 1625500990101 mang tên Đinh Hải B3 mở tại Ngân hàng V5 để thanh toán tiền mua căn nhà DP49, khu Dragon Parc 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè;

- Chuyển 481.000.000đ vào tài khoản 0181003464686 của Công ty V7 để thanh toán một phần tiền mua chiếc xe ô tô Mercedes E300 (do T đứng tên sở hữu);

- Chuyển 499.000.000đ vào tài khoản 0510117502009 mang tên Phan Đồng Thủy T5(theo yêu cầu của V), để trả nợ cá nhân của V đối với ông Phạm Ngọc T3 (ông T3 hiện đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ).

- T sử dụng cho cá nhân 1.200.000.000đ;

- Phần còn lại , T giao cho V sử dụng.

### **3.7. Chiếm đoạt 4.400.000.000đ của Ngân hàng Z thông qua hành vi lập hồ sơ giả, mạo danh bà Trần Thị Thu P để vay tiền:**

Ngày 04/10/2017, T lập hồ sơ giả, mạo danh khách hàng Trần Thị Thu P (người có tiền gửi tại Ngân hàng Z) để xin vay 4.400.000.000đ của Ngân hàng Z và cầm cố số tiền trong sổ tiết kiệm của bà P. T sử dụng thông tin cá nhân của bà P và V để mở tài khoản 9538937 tại Ngân hàng Z mang tên bà P và V là đồng sở hữu (sau đây gọi tắt là tài khoản 9538937). Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản 9538937, V chuyển 4.400.000.000đ từ tài khoản 9538937 đến tài khoản 1030123567889 của V mở tại Ngân hàng M2. Sau đó, V rút tiền từ tài khoản đã nêu, sử dụng cho cá nhân.

**Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được 12.050.000.900đ và giao trả lại cho Ngân hàng Z, bao gồm các khoản thu như sau:**

- 4.400.900.040đ là khoản tiền thu được từ việc thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà DP49, khu Dragon Parc 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè (do T đứng tên chủ sở hữu), theo biên bản làm việc đề ngày 22/6/2018 giữa các bên liên quan và giấy chuyển tiền đề ngày 06/7/2018;

- 200.000.000đ là khoản tiền T đặt cọc cho ông Đinh Hải B3 để mua căn nhà số DP47, khu Dragon Parc 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè (do V đứng tên trên giấy đặt cọc), Cơ quan điều tra đã thu giữ từ ông B3 theo biên bản tạm giữ đề ngày 12/6/2018 và giấy nộp tiền đề ngày 10/7/2018.

- 4.000.000.000đ là khoản tiền khi thực hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà 258/36 đường D, Phường 2, Quận 8 và căn nhà 432A/40/25



đường D, Phường 1, Quận 8 theo thỏa thuận của các bên liên quan;

- 3.450.000.000đ thu được từ Việc xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô Mercedes E300 mang biển số 51F-881.72 do T đứng tên chủ sở hữu; chiếc xe ô tô Porsche Panamera Edition mang biển số 51F-87794 do V đứng tên chủ sở hữu (theo biên bản làm việc giữa chủ sở hữu với các bên liên quan và Quyết định xử lý vật chứng 728-16 ngày 12/02/2018 của Cơ quan Điều tra).

**Cơ quan điều tra còn thu giữ một số tài sản, vật chứng như sau:**

- Thu giữ của T 01 Ipad, 1 điện thoại Samsung (tất cả đều đã qua sử dụng);

- Thu giữ của V: 01 CPU máy tính, 01 điện thoại Samsung, 01 điện thoại Iphone (tất cả đều đã qua sử dụng).

- 525.000.000đ là khoản tiền của T đặt cọc cho Công U để mua chiếc xe Porsche Cayenne Platinum Edition.

- 100.000.000đ là khoản tiền có trong tài khoản 1600167888888 mang tên Nguyễn Phạm Gia T và tài khoản 1600118888888 mang tên Nguyễn Tường V mở tại Ngân hàng M2 (khoản tiền này là khoản tiền do T và V đặt cọc cho Công ty Cổ phần bất động sản D3 để mua căn hộ tại dự án Habirizon Nha Trang; sau đó, Công ty D3 hoàn trả lại).

- 995.663.210đ là khoản tiền do Lê Trung H2 (bạn của T) tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả, sau khi chuyển nhượng căn hộ A20.05, As Ascent, số 58 Quốc lộ 1, phường Thảo Điền, Quận 2.

- 1.219.861.761đ là khoản tiền mà Công ty X nợ Công ty S (Công ty của bị cáo V).

- 123.381.750đ là khoản tiền mà Siêu thị A nợ Công ty S (Công ty của bị cáo V).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn chặn giao dịch 861.925.660đ là khoản tiền mà Công ty E(Big C) còn nợ Công ty S (Công ty của bị cáo V), theo Quyết định tạm giữ vật chứng số 728-64 ngày 12/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công An Thành phố Hồ Chí Minh và văn bản yêu cầu số 2407/CV-EBS ngày 24/7/2018 của Công ty E.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 426/2019/HSST ngày 07/11/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm c và g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Gia T tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2017.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm c và g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường V tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2019, bị cáo Nguyễn Phạm Gia T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, bị cáo Nguyễn Phạm Gia T vẫn giữ nội dung kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:* Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo T tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đơn kháng cáo của bị cáo T hợp lệ.

Do cần có tiền tiêu xài, giữ chức vụ Trưởng phòng quan hệ khách hàng của ngân hàng, bị cáo có hành vi mạo danh khách hàng, giả chữ ký của khách hàng, bán trái phiếu của khách hàng cho Công ty V2, chiếm đoạt tiền của Công ty V2. Bị cáo sử dụng thông tin của khách hàng, thông tin cá nhân của người thân, rồi nhờ người thân đứng tên mở tài khoản tại Ngân hàng Z, tài khoản đứng tên khách hàng và người thân của T là đồng sở hữu, giả chữ ký, mạo danh khách hàng lập hồ sơ xin vay tiền của Ngân hàng Z, sử dụng tài sản là tiền gửi của khách hàng đang gửi tại Ngân hàng Z để thế chấp cho Ngân hàng Z. Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu như đã đề cập, T yêu cầu người thân của mình rút tiền từ tài khoản đồng sở hữu để giao cho T, hoặc là yêu cầu người thân chuyển tiền đến tài khoản do T chỉ định để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Z. Bị cáo và Nguyễn Tường V chiếm đoạt 80.300.000.000đ của Ngân hàng Z. Bị cáo nhận thức hành vi gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt là đặc biệt lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được luật pháp bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động ngân hàng. Bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng án sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo gây ra, không có tình tiết giảm nhẹ mới để giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không

chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên án sơ thẩm.

*Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo T tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", không áp dụng tình tiết khắc phục hậu quả cho bị cáo. Bị cáo không có kêu oan, thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã động viên gia đình đóng 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị cáo. Bị cáo phải bồi thường cho Ngân hàng Z 11.240.336.340 đồng nhưng trong đó ông Bùi Mạnh C phải nộp lại 16.200.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành trách nhiệm bồi thường của bị cáo T và bị cáo V; trong đó, đảm cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo T là 8.000.000.000 đồng và bà Ngô Thị K giao nộp lại 8.700.000.000đ để đảm bảo cho việc thi hành trách nhiệm bồi thường của bị cáo T và bị cáo V; trong đó, đảm bảo cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo T là 3.000.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo chỉ còn phải bồi thường khoảng 240.000.000 đồng tính tròn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo vì phần lớn hậu quả cho ngân hàng được khắc phục, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án tù có thời hạn cũng đủ giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo.

*Bị cáo trình bày:* Thống nhất với ý kiến của luật sư. Bị cáo gia đình khó khăn, mẹ sống phụ thuộc bị cáo, bị cáo bị bệnh nan y. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo cũng còn lương trong tài khoản khoảng 50 triệu đồng có thể khắc phục hậu quả cho ngân hàng, gia đình bị cáo có nộp 100.000.000 đồng khắc phục cho bị cáo, bị cáo hợp tác tốt với cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tranh luận:* Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường, buộc phải thu hồi số tiền đã chiếm đoạt, không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Phạm Gia T là Trưởng phòng quan hệ khách hàng thuộc Phòng giao dịch Nam Sài Gòn của Ngân hàng Z (gọi tắt là Ngân hàng Z). Lợi dụng vào chức trách nhiệm vụ được giao và việc biết được thông tin của khách hàng, T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt trái phép tài sản với thủ đoạn như sau:

- T sử dụng thông tin của khách hàng và thông tin cá nhân của người thân, rồi nhờ người thân đứng tên mở tài khoản tại khoản tại Ngân hàng Z, tài khoản

đứng tên khách hàng và người thân của T là đồng sở hữu.

- Sau đó, T giả chữ ký, mạo danh khách hàng lập hồ sơ xin vay tiền của Ngân hàng Z, sử dụng tài sản là tiền gửi của khách hàng đang gửi tại Ngân hàng Z để thế chấp cho Ngân hàng Z.

- Sau khi Ngân hàng Z đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản đồng sở hữu như đã đề cập, T yêu cầu người thân của mình rút tiền từ tài khoản đồng sở hữu để giao cho T, hoặc là yêu cầu người thân chuyển tiền đến tài khoản do T chỉ định để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Z.

Ngoài thủ đoạn lừa đảo như đã nêu, T còn có hành vi mạo danh khách hàng, giả chữ ký của khách hàng để bán trái phiếu thuộc sở hữu của khách hàng để bán trái phiếu của khách hàng cho Công ty V2, chiếm đoạt tiền của Công ty V2.

Trong quá trình thực hiện việc lừa đảo, lúc đầu chỉ có một mình T thực hiện. Sau đó, đến thời điểm 24/7/2017, T có nói cho Nguyễn Tường V(chị dâu họ của T và là Giám đốc Công ty S) biết việc T lừa đảo, từ thời điểm này, T và V câu kết với nhau cùng lừa đảo chiếm đoạt tiền của ANZ.

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác định được trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2017, T, V đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã được nêu trong phần nội dung vụ án.

- T đã chiếm đoạt 3.000.000.000đ của Công ty V2, chiếm đoạt 8.000.000.000đ của Ngân hàng Z.

- T và V đã chiếm đoạt của Ngân hàng Z 80.300.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị D (mẹ của T), ông Nguyễn Hoàng M1(anh ruột của T), bà Nguyễn Thanh N (chị ruột của T), ông Nguyễn Hoàng A1(chồng của V), bà Nguyễn Thùy D1(chị V) và một số cá nhân khác là những người có một số hành vi liên quan như cho mượn thông tin mở tài khoản, ký một số giấy tờ liên quan, cho mượn tài khoản để nhận chuyển tiền, tạo điều kiện cho T và V chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, những người này đều khai không biết việc T và V lừa đảo; T và V cũng xác nhận việc này. Do vậy, cơ quan chức năng chưa đủ căn cứ vững chắc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Trong số tiền chiếm đoạt đã nêu, T đã chiếm hưởng sử dụng cho cá nhân 4.200.000.000đ (bao gồm chiếm hưởng 3.000.000.000đ thông qua hành vi lừa đảo bán trái phiếu của bà M cho Công ty V2 và 1.200.000.000đ chiếm hưởng trong số tiền 20.000.000.000đ chiếm đoạt của Ngân hàng Z thông qua hành vi

làm giả hồ sơ, mạo danh bà Lê Thị L để vay tiền; V chiếm hưởng sử dụng cho cá nhân 77.653.000.000đ; T và V đã chiếm hưởng sử dụng chung 12.447.000.000đ để mua nhà, xe.v.v.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Gia T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Phạm Gia T và Nguyễn Tường V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139, điểm c và g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo T và đồng bọn là đặc biệt nguy hiểm, số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt là đặc biệt lớn, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được luật pháp bảo vệ mà ảnh hưởng xấu đến hoạt động ngân hàng. Bị cáo đều nhận thức rõ được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài việc thực hiện 2 lần phạm tội riêng lẻ (T chiếm đoạt 3.000.000.000đ thông qua hành vi bán trái phiếu của bà M và chiếm đoạt 8.000.000.000đ thông qua hành vi mạo danh bà Nguyễn Thị H1 để vay tiền), T cùng V thực hiện 7 lần phạm tội khác. T là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng việc phạm tội, trực tiếp làm giả các tài liệu xin vay tiền, mạo danh khách hàng tạo lập tài khoản đồng sở hữu. V là người giúp sức đắc lực cho T, là người dẫn dụ, cung cấp thông tin cá nhân của người thân cho T để mở tài khoản đồng sở hữu, bản thân V cũng đứng tên nhiều tài khoản đồng sở hữu với khách hàng, là người trực tiếp chuyển tiền, rút tiền nhiều lần, V là người chiếm hưởng hầu hết số tiền do phạm tội mà có. Hành vi của T và V có mức độ nguy hiểm như sau. Các bị cáo phạm tội nhiều lần. T còn có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T bị nhiễm HIV, bản thân T và gia đình đã có thái độ tích cực khắc phục một phần hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo có khắc phục cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo T phải chịu án phí hình

sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Gia T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139, điểm c và g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Gia T tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Phạm Gia T theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo Việc thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 426/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Phạm Gia T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- CA Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA Thành phố Hồ Chí Minh (để tổng đạt cho bị cáo) (2);
- Lưu (3) 16b (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**